b1: Mở cmd và đến mục E:\

E:cd \xampp\mysql\bin

b2: gõ lệnh

mysql -uroot -p

b3:

xem danh sách csdl:

show databases;

b4:

chọn csdl để làm việc:

use <tên csdl>;

vd : use information\_schema

b5:

xem danh sách bảng:

show tables;

vd: show sinhvien;

- xem trong bảng có j

describe <tên bảng>;

vd: describe sinhvien;

b6: tạo mới 1 csdl:

create table<tên csdl>;

b7:

xóa 1 csdl:

drop database<teencsdl>;

b8:

tạo mới bảng:

create table sv( id int not null auto\_increment ,name varchar(10) not null ,decription text,primary key (id));

b9:

xem cấu trúc 1 bảng:

describe <tên bảng>;

b10:

sửa cấu trúc của bảng:

- sửa 1 trường đã có:

alter table <tên bảng>;

add <trường cần thêm>;

vd alter table qlsv;

add s=msv int;

- thêm 1 trường mới:

alter table <tên bảng>

add <trường cần thêm>

- xóa 1 trường cần thêm:

drop

b11:

xóa 1 bảng:

drop table <tên bảng>;

- Tạo bảng student theo cấu trúc dưới đây:

create database student;

create table students(

id int not null auto\_increment,

fullname varchar(50),

DOB date,

sex boolean default true,

hometown varchar(100),

address varchar(100),

hobbies int default 0,

color varchar(20),

email varchar(100),

facebook varchar(200),

class\_id int not null,

username varchar(40),

password varchar(40),

avartar varchar(100),

description text,

primary key(id) );

b12:Tạo khóa phụ 1 bảng:

alter table student

add foreign key(class\_id) references class(id);

b13: thêm bảng ghi vào bảng

insert into class(name, decription)

values('Nguyễn Văn An','Lớp D13CNPM');

insert into class(name, decription)

values('Nguyễn Văn An','Lớp D13CNPM'),('Đàm Thận Thanh','Lớp D13CNPM4'),('Nguyễn Thanh Tùng','Lớp D13CNPM4');

b14:

Truy Vấn dữ liệu:

select \* <danh sách các trường>

from <tên bảng>

where <điều kiện>

group by <tên các trường>

have <điều kiện>

having by<các trường>

order by< các trường> ASC|DASC (tăng, giảm dần)

limit 0,2;

vd:select \* from class;

order by name asc

limit 2,4;

b15:

Sửa dữ liệu:

update <tên bảng>

set

<tên trường> = <giá trị>,

<tên trường> = <giá trị>,

...

where<điều kiện>

vd:

update class

set

name='Nguyễn Văn An'

description = 'Lớp D13CNPM'

where id=2;

b16:

xóa dữ liệu:

delete from <tên bảng>

where <điều kiện>;

vd:

delete from class

where id =3;

b17:

truy vấn trên nhiều bảng:

-cách làm nhanh chọn trái phải bảng trắng

-chuột phải để copy

-paste

vd:

id | int(11) | NO | PRI | NULL | auto\_increment |

| fullname | varchar(50) | YES | | NULL | |

| DOB | date | YES | | NULL | |

| sex | tinyint(1) | YES | | 1 | |

| hometown | varchar(100) | YES | | NULL | |

| address | varchar(100) | YES | | NULL | |

| hobbies | int(11) | YES | | 0 | |

| color | varchar(20) | YES | | NULL | |

| email | varchar(100) | YES | | NULL | |

| facebook | varchar(200) | YES | | NULL | |

| class\_id | int(11) | NO | MUL | NULL | |

| username | varchar(40) | YES | | NULL | |

| password | varchar(40) | YES | | NULL | |

| avartar | varchar(100) | YES | | NULL | |

| descriptio

trên visual ctrl+H ,

create table student(id int not null auto\_increment,fullname varchar(50),DOB date,sex boolean default true,hometown varchar(100),address varchar(100),hobbies int default 0,color varchar(20),email varchar(100),facebook varchar(200),class\_id int not null,username varchar(40),password varchar(40),avartar varchar(100),description text,primary key(id) );

----------------------------------

1/ export csdl ra:

b1: quit

b2: mysqldump -uroot -p --databases< Tên CSDL> > <tên file>

vd; mysqldump -uroot -p --databases qlkh > qlkh.sql

2/ import csdl:

b1: vào mysql

b2: tạo 1 csdl

b3: source <tên file>;

vs source qlkh.sql;

insert into sv(name, description)

values('Nguyễn Văn An','Lớp D13CNPM');

select \* from sv;